

## **1. SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG (GENERAL BIOLOGY) – 202401**

Môn Sinh học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc, chức năng và các hoạt động sống cơ bản của hai nhóm tế bào quan trọng: tế bào tiền nhân (prokaryotes) và tế bào nhân thật (eukaryotes).

Trong đó, nội dung môn học tập trung vào các kiến thức sau:

- Sự sống và các đặc điểm của sự sống.
- Tế bào eukaryote và prokaryotes: cấu trúc và chức năng.
- Sự trao đổi chất, enzymes và hoạt động của enzymes.
- Quá trình quang hợp và hô hấp tế bào.
- Cơ sở phân tử của tế bào: sao chép, phiên mã, dịch mã và sự điều hoà biểu hiện gene ở sinh vật.
- Các định luật di truyền và tiến hoá.

## **2. THỐNG KÊ SINH HỌC (BIostatISTICS) – 203500**

Học phần gồm một số các khái niệm và đặc trưng thống kê mô tả của mẫu và tổng thể. Các trắc nghiệm phân tích so sánh thống kê, tương quan hồi qui giữa các tính trạng, phương pháp điều tra chọn mẫu và xác định cỡ mẫu trong thống kê.

*\* Mục tiêu: (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)*

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hiểu biết các khái niệm, thuật ngữ về thống kê mô tả của mẫu và tổng thể, cũng như nắm bắt được kỹ thuật thu thập dữ liệu, các phương pháp tính toán, xử lý, phân tích, so sánh thống kê và từ đó tổng hợp trình bày các kết quả số liệu trong các cuộc khảo sát, điều tra hay tổ chức thí nghiệm trong lĩnh vực sinh học.

## **Hóa Sinh Đại Cương (General Biochemistry) – 203109**

Hóa Sinh Đại Cương tập trung nghiên cứu thành phần hóa học của cơ thể sống. Thành phần hóa học ở đây được hiểu không những là thành phần chất lượng và cấu trúc các hợp chất, mà cả hàm lượng, số lượng của chúng trong cơ thể động, thực vật, từ đó hiểu rõ vai trò và chức năng sinh học của chúng đối với tế bào. Trong môn học này, chúng tôi sẽ mô tả các cấu trúc, tổ chức, và các chức năng của vật chất sống về hóa sinh, nhấn mạnh các khía cạnh liên quan đến khoa học động vật và thú y

### **3. MÔ HỌC (HISTOLOGY) – 203508**

**Kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái, cấu tạo, nguồn gốc, phát triển và vai trò của tế bào, mô và cơ quan trong cơ thể động vật

**Kỹ năng:** Sinh viên có khả năng sử dụng kính hiển vi, quan sát và nhận biết được tế bào, mô và cơ quan bình thường của một số loại gia súc chính và gia cầm, chuẩn bị kiến thức cho một số môn học tiếp theo, đặc biệt là giải phẫu bệnh và miễn dịch học.

Học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp thông qua việc tổ chức nhóm thực tập và thảo luận.

### **4. SINH HÓA BIẾN DƯỠNG (METABOLISM BIOCHEMISTRY) – 203109**

Hóa sinh biến dưỡng nghiên cứu quá trình trao đổi chất và năng lượng trong cơ thể sinh vật, hay nói khác đi là nghiên cứu cơ sở hóa học của sự sống. Môn học này tập trung nghiên cứu các biến đổi hóa học để duy trì hoạt động bình thường của các tế bào sống như là tiêu hóa, quá trình chuyển hóa trung gian... để cung cấp năng lượng, xây dựng tế bào và loại thải nitrogen. Sinh viên chuyên ngành Chăn Nuôi và Thú Y sẽ được cung cấp kiến thức hóa sinh để có sự hiểu biết tốt cũng nhưng biết cách vận dụng để giải thích các vấn đề sinh lý và bệnh lý ở động vật.

### **5. SINH LÝ 1 (PHYSIOLOGY 1) – 203103**

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Thú Y những kiến thức cơ bản về chức năng, cơ chế hoạt động và yếu tố điều hòa hoạt động của hệ máu, bộ máy tuần hoàn (hoạt động của tim, hệ mạch), hô hấp (hoạt động của phổi, sự trao đổi khí), hệ tiêu hóa (hoạt động tiêu hóa, hấp thu).

Học phần còn giúp sinh viên gắn kết các hoạt động của máu, tuần hoàn, hô hấp và tiêu hóa trong một cơ thể thống nhất, ảnh hưởng hoạt động của cơ quan này đến cơ quan khác và hoạt động các cơ quan ảnh hưởng bởi môi trường, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, bệnh lý.

Học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp thông qua việc tổ chức nhóm thực tập và thảo luận, trình bày trước lớp.

### **6. SINH LÝ 2 (PHYSIOLOGY 2) – 203106**

Học phần trang bị cho sinh viên ngành Thú Y những kiến thức cơ bản về chức năng, cơ chế hoạt động và yếu tố điều hòa hoạt động của các cơ quan sinh dục, các tuyến nội tiết, tuyến vú, thận và hệ thần kinh. Ngoài ra, môn học cũng cung cấp cơ chế điều hòa và kiểm soát thân nhiệt của cơ thể.

Học phần cũng giúp sinh viên hiểu được sự liên quan của các cơ quan trong cơ thể thú (hệ thần kinh, hệ nội tiết, thận, cơ quan sinh dục ...) và đặc biệt vai trò của hệ nội tiết trong việc điều hòa sinh sản, tiết sữa, tuần hoàn và thân nhiệt của thú ; từ đó sinh viên có thể biết cách ứng dụng các nguyên lý của sinh lý học vào việc nâng cao năng suất sản xuất và sinh sản của gia súc gia cầm. Ngoài ra, các ứng dụng của công nghệ sinh sản trong chăn nuôi như cắt phôi, sinh sản vô tính và chuyển cấy phôi sẽ được giới thiệu sơ lược.

## **7. MIỄN DỊCH HỌC THÚ Y (VETERINARY IMMUNOLOGY) – 203507**

Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về khả năng đề kháng của cơ thể đối với những tác nhân có hại trong môi trường, các thành phần tham gia và cơ chế đáp ứng của cơ thể chống lại các tác nhân gây hại. Môn học này có liên quan đến các môn khác như: Mô phôi, Vi sinh và tạo nền tảng cho các môn học khác nhau như Bệnh Truyền Nhiễm và Bệnh Ký Sinh.

### **\* Mục tiêu:**

Sau khi hoàn thành môn này, sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về thành phần và cơ chế hoạt động của hệ thống miễn dịch trong cơ thể động vật bao gồm các cơ chế đề kháng đặc hiệu và không đặc hiệu trong việc chống lại sự xâm nhập, tiêu diệt, loại bỏ của các mầm bệnh. Môn học cũng nhằm giới thiệu cho sinh viên một số kiến thức về những ứng dụng của miễn dịch học trong chẩn đoán và phòng bệnh trên vật nuôi.

## **8. DƯỢC LÝ THÚ Y (VETERINARY PHARMACOLOGY) – 203404**

Dược lý thú y cơ bản cung cấp kiến thức về tác động qua lại giữa thuốc và cơ thể trong 2 phần chính là dược động học và dược lực học của các thuốc tác động lên hệ thần kinh, tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, tiết niệu, máu. Môn học cũng đề cập đến các loại thuốc cơ bản chống lại các tác nhân từ bên ngoài xâm nhập vào cơ thể động vật như vi khuẩn (thuốc kháng sinh), nấm (thuốc kháng nấm), kí sinh trùng (thuốc trị kí sinh trùng) hoặc vào môi trường sống của chúng (thuốc sát

trùng, khử trùng). Môn học cũng đề cập đến các nhóm thuốc chống viêm (thuốc kháng viêm) hỗ trợ trong quá trình điều trị các chứng bệnh của động vật.

**\* Mục tiêu:**

Sau khi hoàn thành môn này, sinh viên:

- Kiến thức: có thể giải thích cơ chế tác động của các thuốc dùng trong phòng trị bệnh; tương tác có lợi và bất lợi giữa các thuốc và tính hợp lý trong chọn lựa các thuốc dùng trong phòng trị dựa vào thông tin bệnh.
- Kỹ năng: có thể thực hiện các đường cấp thuốc; thực hiện một phần trong quy trình kiểm nghiệm thuốc đơn giản; giải thích vai trò của các thuốc trong một toa thuốc trong điều trị bệnh cho động vật nuôi (trâu, bò, heo, chó mèo, gà, vịt, chim) và động vật hoang dã.
- Thái độ: chuyên cần và chăm chỉ; chủ động và sáng tạo trong học tập.

## **9. GIẢI PHẪU BỆNH I (VETERINARY PATHOLOGY I) – 203504**

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có được:

**Kiến thức:**

- Biết được những tổn thương căn bản chung trên cơ quan (đại thể và vi thể). Hiểu được ý nghĩa, nguyên nhân và cơ chế của những thay đổi đó cũng như những rối loạn về mặt sinh hóa học, rối loạn về trao đổi chất.

- Giải thích được mối liên hệ giữa những thay đổi về hình thể và các triệu chứng mà động vật bệnh biểu hiện.

**Kỹ năng:**

- Có khả năng nhận dạng được các hình ảnh bệnh lý đại thể và vi thể trên mô và cơ quan và hiểu được nguyên nhân dẫn đến những biến đổi này.

## **10. GIẢI PHẪU BỆNH II (VETERINARY PATHOLOGY II) – 203525**

Môn học Giải Phẫu Bệnh II đưa những thay đổi căn bản trong bệnh học đại cương vào những bệnh riêng biệt của con vật bao gồm sự khảo sát có hệ thống từng cơ quan hay bộ máy (ví dụ: hệ sinh huyết, hệ thống tuần hoàn-tim, hệ thống hô hấp, hệ thống bài tiết, hệ thống sinh dục, ...) và ghi nhận những thay đổi bệnh lý gây ra bởi những bệnh cảm nhiễm, kí sinh trùng, suy dinh dưỡng, thương tích,.... Sinh viên sẽ hiểu được một số biến đổi của tế bào và mô trong

quá trình bệnh lý, nhận rõ mối liên hệ giữa hình thái và chức năng, góp phần giải thích được những biểu hiện lâm sàng của bệnh, biết đánh giá kết quả chẩn đoán mô bệnh học và/hoặc tế bào học. Đây là môn học để làm cơ sở cho những môn học khác tiếp theo đặc biệt là môn Bệnh Truyền Nhiễm và có thể ứng dụng vào phòng chữa bệnh sau này.

**Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên sẽ có được:**

**Kiến thức:** Sinh viên có khả năng biết được những thay đổi đại thể và vi thể ở các cơ quan có bệnh tích. Hiểu được ý nghĩa, nguyên nhân và cơ chế của những thay đổi đó.

**Kỹ năng:** Nhận dạng được bệnh tích đại thể và vi thể trên một số bệnh thường gặp trên gia súc, gia cầm; Có thể tiên đoán bệnh, đóng góp vào việc phòng bệnh và tham gia gián tiếp vào công tác điều trị.

## **11. TẬP TÍNH VẬT NUÔI (ANIMAL BEHAVIOR) – 203114**

Môn học tập trung tìm hiểu về vật nuôi sẽ suy nghĩ và hoạt động như thế nào. Ngoài ra môn học còn tìm hiểu về những ứng dụng của tập tính vật nuôi trong thực tế sản xuất, những vấn đề cần xử lý đối với những tập tính không bình thường đối với vật nuôi. Môn học tập trung vào các vấn đề bao gồm: Tác động của môi trường và hoạt động của vật nuôi, di truyền và tập tính, nhận thức và tập tính vật của vật nuôi, tập tính và môi trường, tập tính xã hội, bản năng và luyện tập của vật nuôi, quản lý vật nuôi, những xáo trộn ảnh hưởng đến tập tính vật nuôi.

**\* Mục tiêu:**

Sau khi hoàn thành môn này, sinh viên:

- Kiến thức: người học hiểu biết về các tập tính (ăn uống, sinh sản, giao tiếp ...) của vật nuôi, khả năng xử lý các xáo trộn tập tính cho nhiều loài vật nuôi khác nhau. Từ đó giúp người học đánh giá được tình trạng welfare của vật nuôi thông qua các tập tính.
- Kỹ năng: biết được cách tiếp cận với thú (cầm, giữ, cột, vận chuyển). Đánh giá được tình trạng sức khỏe của thú thông qua tập tính. Biết cách ghi nhận và đánh giá tập tính.
- Thái độ: chuyên cần và chăm chỉ; chủ động và sáng tạo trong học tập.

## **12. BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ (GIVING PRESENTATION) – 203158**

Cung cấp kiến thức cho các bước thực hiện bài thuyết trình bao gồm: (1) phân tích chuyên đề cần báo cáo, trình bày; (2) chuẩn bị thông tin cho bài thuyết trình; (3) xây dựng bố cục/cấu

trúc cho bài báo cáo; (4) thực hiện bài thuyết trình trước khán giả và cách giải đáp các câu hỏi phát sinh.

**\* Mục tiêu:**

Sau khi hoàn thành môn này, sinh viên:

- Kiến thức: sinh viên vận dụng các kiến thức trong báo cáo một vấn đề chuyên môn của ngành Chăn nuôi, Thú Y phục vụ cho các môn học tiếp theo khi cần báo cáo chuyên đề, lúc bảo vệ đề tài và thuyết trình cho công việc chuyên môn sau khi tốt nghiệp.

- Kỹ năng: chuẩn bị và thực hiện được một báo cáo (oral): phân tích nội dung chuyên đề, chuẩn bị và xây dựng cấu trúc bài thuyết trình, biết được điểm mạnh và yếu của bản thân trong thuyết trình để có thể cải thiện.

- Thái độ: kỹ lưỡng, chủ động, chăm chỉ và sáng tạo trong báo cáo.

### **13. DI TRUYỀN ĐẠI CƯƠNG (GENERAL GENETICS) – 203203**

Giới thiệu các vấn đề cơ bản của di truyền học làm nền tảng cho công tác giống vật nuôi và công nghệ sinh học.

**\* Mục tiêu:** (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)

Học phần nhằm trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về di truyền và biến đổi trên sinh vật. Cơ sở vật chất của hiện tượng di truyền, biến đổi và các quy luật di truyền cơ bản. Cơ sở của di truyền Mendel, di truyền tế bào học, di truyền phân tử, di truyền quần thể và công tác phôi sinh học nghiên cứu di truyền có liên quan.

### **14. PHƯƠNG PHÁP BỐ TRÍ THÍ NGHIỆM (EXPERIMENTAL DESIGN) - 203527**

Hướng dẫn các phương pháp bố trí và phân tích kết quả của thí nghiệm

**\* Mục tiêu:** (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)

Học phần nhằm trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về cách bố trí một thí nghiệm và cách phân tích kết quả sau thí nghiệm. Kỹ năng bố trí và thu thập thông tin, xử lý các thông tin từ thí nghiệm.

### **15. GIỐNG ĐỘNG VẬT 1 (ANIMAL BREEDING 1) - 203558**

Môn học bao gồm các vấn đề liên quan đến công tác giống: các phương pháp đánh giá về ngoại hình thể chất, sinh trưởng phát dục, khả năng sinh sản và sức sản xuất của gia súc, gia cầm. Nội dung sẽ bao gồm các phương pháp đánh giá các khả năng đã nêu ở trên, sau đó sẽ dựa vào các phương pháp chọn lọc để có thể chọn được các thú tốt nhất trong quần thể về các tính năng sản xuất của thú. Kế tiếp sẽ nghiên cứu về các phương pháp ghép đôi giao phối giữa các thú đã được chọn để có thể có được đời sau có thành tích sản xuất theo yêu cầu của công tác giống. Kế tiếp sẽ trình bày các phương pháp nhân giống thuần chủng và lai tạo để có được các thú hoặc giống tốt về các chỉ tiêu theo mục đích của công tác giống.

\* **Mục tiêu:** (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)

- Kiến thức: nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về chọn lọc và lai tạo giống gia súc, gia cầm cho học viên.

- Kỹ năng: các học viên sau khi học xong có thể thực hiện được việc đánh giá thành tích của các thú, chọn được các thú tốt theo yêu cầu của công tác giống và có thể thực hiện được việc cho ghép đôi giao phối giữa các thú trong cùng một giống hay cho lai giữa các giống với nhau để tạo ra được đời sau có thành tích tốt phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

## **16. TRUYỀN TINH TRUYỀN PHÔI (ARTIFICIAL INSEMINATION AND EMBRYO TRANSFER) - 203209**

Môn Truyền Tinh Truyền Phôi cung cấp cho người học một cái nhìn khái quát về hai phương pháp truyền giống nhân tạo trên gia súc. Người học được cung cấp kiến thức cơ bản về công tác gieo tinh nhân tạo, từ khâu lựa chọn thú giống, huấn luyện, khai thác, kiểm tra, pha chế bảo quản tinh dịch và kỹ thuật dẫn tinh cho con cái. Môn học cung cấp cho sinh viên hiểu biết và nắm được nguyên tắc và cách thức tiến hành công tác chuyên cấy phôi động vật.

\* **Mục tiêu:** (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....) Kiến thức

- Giúp nắm bắt được các kiến thức cơ bản của công tác gieo tinh nhân tạo.

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản cần có của một dẫn tinh viên  
Kỹ năng

- Sinh viên có thể kiểm tra được các chỉ tiêu cơ bản của phẩm chất tinh dịch

- Sinh viên biết cách tính toán phân liều tinh dịch, pha chế và bảo tồn tinh dịch

Thái độ, chuyên cần

- Yêu thích môn học, ngành học mà sinh viên đang theo học;
- Kính trọng, yêu quý, muốn noi gương các nhà khoa học, giảng viên đang giảng dạy môn học;

Có cái nhìn và đánh giá của riêng mình về hiện trạng và hướng phát triển của công tác gieo tinh nhân tạo và chuyển cấy phôi.

### **17. CƠ THỂ I (VETERINARY ANATOMY I) – 203301**

Học phần Cơ thể I cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y, Dược Thú y, Chăn nuôi, Công nghệ sản xuất thức ăn kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, thực hiện được thao tác tiêm chích, mổ khám sát cơ thể.

*\* Mục tiêu: (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)*

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, qui trình xử lý mẫu formol bảo quản trong nghiên cứu và học tập cơ thể học, mổ phơi bày và khảo sát từng phần cấu trúc của các hệ thống trên các nhóm loài động vật, nguyên tắc mổ khám khảo sát trên gia súc, gia cầm, một số nguyên tắc chung khi tiếp cận, cầm cột và cố định gia súc, gia cầm.

### **18. CƠ THỂ II (VETERINARY ANATOMY II) – 203302**

Học phần Cơ thể II cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y, Dược Thú y, Chăn nuôi, Công nghệ sản xuất thức ăn kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, thực hiện được thao tác tiêm chích, mổ khám sát cơ thể.

*\* Mục tiêu: (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)*

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về cấu trúc của cơ thể gia súc và gia cầm ở khía cạnh đại thể, qui trình xử lý mẫu formol bảo quản trong nghiên cứu và học tập cơ thể học, mổ phơi bày và khảo sát từng phần cấu trúc của các hệ thống trên các nhóm loài động vật, nguyên tắc mổ khám khảo sát trên gia súc, gia cầm, một số nguyên tắc chung khi tiếp cận, cầm cột và cố định gia súc, gia cầm.

### **19. NGOẠI KHOA THÚ Y I (VETERINARY SURGERY I) – 203201**

Học phần ngoại khoa thú y I cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y kiến thức về các nguyên tắc căn bản của phẫu thuật, bao gồm phân loại vết thương, sự lành vết thương và các



yếu tố ảnh hưởng đến sự lành vết thương, nguyên tắc vô trùng trong phẫu thuật, cách sử dụng các dụng cụ phẫu thuật, chuẩn bị phẫu thuật viên, chuẩn bị thú trước khi mổ. Học phần này còn giới thiệu về những phương pháp cầm máu phẫu thuật, kim chỉ may, cũng như những đường may được sử dụng để đóng kín vết thương trên gia súc và các loại thuốc tê/mê, các phương pháp vô cảm trên thú.

**\* Mục tiêu:**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phẫu thuật trong thú y như vết thương và các giai đoạn lành, nguyên tắc vô trùng, các phương pháp tiệt trùng, các loại dụng cụ phẫu thuật, các loại kim chỉ may trong phẫu thuật thú y và các kiến thức các thuốc tê/thuốc mê và các phương pháp vô cảm trên thú. Ngoài ra học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng về băng vết thương, may đóng kín vết thương và sát trùng trước khi phẫu thuật cho gia súc.

## **20. NGOẠI KHOA THÚ Y II (VETERINARY SURGERY II) – 203202**

Học phần ngoại khoa thú y II cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y kiến thức về các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật can thiệp ngoại khoa trên thú nuôi. Nhấn mạnh vào khả năng quan sát, chẩn đoán lâm sàng, đánh giá, thăm khám, chẩn đoán hình ảnh và phân tích tình trạng của thú bệnh trước khi quyết định tiến hành phẫu thuật, cũng như việc chăm sóc hậu phẫu. Tiếp theo, học phần sẽ giới thiệu từng trường hợp phẫu thuật riêng biệt, hướng dẫn sử dụng các loại thuốc sử dụng trong phẫu thuật (thuốc tiền mê, thuốc tê, thuốc mê, thuốc kháng viêm, kháng sinh và giảm đau) và yêu cầu sinh viên thực hành. Học phần này liên quan chặt chẽ đến kiến thức về cơ thể học động vật, sinh lý động vật, dược lý và chẩn đoán hình ảnh, nhằm cung cấp kiến thức lẫn kỹ năng thiết yếu cho sinh viên trước khi trở thành một bác sỹ thú y thực hành.

**\* Mục tiêu (*Learning Objectives*):**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật can thiệp ngoại khoa trên thú nuôi. Ngoài ra học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng về gây tê, gây mê, may phẫu thuật và một số kỹ thuật phẫu thuật triệt sản (đực, cái), phẫu thuật vùng bụng, phẫu thuật da và băng vết thương và băng cố định xương gãy cho vật nuôi.

## **21. NGOẠI KHOA THÚ Y II (VETERINARY SURGERY II) – 203202**

Học phần ngoại khoa thú y II cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y kiến thức về các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật can thiệp ngoại khoa trên thú nuôi. Nhấn mạnh vào khả năng quan sát, chẩn đoán lâm sàng, đánh giá, thăm khám, chẩn đoán hình ảnh và phân tích tình trạng của thú bệnh trước khi quyết định tiến hành phẫu thuật, cũng như việc chăm sóc hậu phẫu. Tiếp theo, học phần sẽ giới thiệu từng trường hợp phẫu thuật riêng biệt, hướng dẫn sử dụng các loại thuốc sử dụng trong phẫu thuật (thuốc tiền mê, thuốc tê, thuốc mê, thuốc kháng viêm, kháng sinh và giảm đau) và yêu cầu sinh viên thực hành. Học phần này liên quan chặt chẽ đến kiến thức về cơ thể học động vật, sinh lý động vật, dược lý và chẩn đoán hình ảnh, nhằm cung cấp kiến thức lẫn kỹ năng thiết yếu cho sinh viên trước khi trở thành một bác sỹ thú y thực hành.

### **\* Mục tiêu (Learning Objectives):**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về các nguyên lý, phương pháp và kỹ thuật can thiệp ngoại khoa trên thú nuôi. Ngoài ra học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng về gây tê, gây mê, may phẫu thuật và một số kỹ thuật phẫu thuật triệt sản (đực, cái), phẫu thuật vùng bụng, phẫu thuật da và băng vết thương và băng cố định xương gãy cho vật nuôi.

## **22. NỘI KHOA 2 (INTERNAL VETERINARY MEDICINE II) – 203402**

Học phần Nội khoa II cung cấp cho sinh viên ngành Thú y kiến thức về những bệnh không lây trên các hệ thống: tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu và các bệnh liên quan đến biến dưỡng ở gia súc.

### **\* Mục tiêu:**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nguyên nhân gây bệnh, cơ chế sinh bệnh, triệu chứng, phương pháp chẩn đoán, tiên lượng và điều trị các bệnh không lây trên các hệ thống của cơ thể gia súc, cung cấp kiến thức nâng cao về phân tích các yếu tố tác động. Ngoài ra, học phần còn nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng về tư duy phân tích, hệ thống và đánh giá tình hình sức khỏe vật nuôi, đưa ra các giải pháp phù hợp trong phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, cũng như giúp sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tìm kiếm và

giải quyết các vấn đề đặt ra thông qua việc tìm kiếm tài liệu chuyên ngành. Và cuối cùng, học phần giúp cho sinh viên chủ động, tích cực và tôn trọng đạo đức nghề nghiệp

### **23. BỆNH CHÓ MÈO (CANINE AND FELINE MEDICINE) – 203916**

Học phần Bệnh Chó Mèo cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y kiến thức tổng quát về nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, triệu chứng, cách chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa giúp sinh viên có đủ trình độ và khả năng chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh thường xảy ra trên chó mèo.

**\* Mục tiêu:**

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về một số bệnh thường gặp trên chó mèo như căn bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, các phương pháp chẩn đoán và phòng trị nhằm giúp sinh viên có khả năng tư duy, phân tích, tư duy hệ thống và đưa ra các giải pháp phòng , trị hiệu quả cho các trường hợp bệnh trong thực tế. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc của BSTY trong thực tiễn

### **24. CHẨN ĐOÁN PHÒNG THÍ NGHIỆM (LABORATORY DIAGNOSIS) – 203916**

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các kỹ thuật thu thập các loại mẫu máu, nước tiểu, phân, các loại dịch cho xét nghiệm; Kỹ thuật xét nghiệm các loại mẫu, mối liên hệ giữa cận lâm sàng và lâm sàng; nhận định và giải thích sự bất thường cũng như giúp sinh viên cách biện luận, phân tích, tiên lượng và chẩn đoán bệnh

**\* Mục tiêu:**

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về cách chẩn đoán, những xét nghiệm của mẫu máu, nước tiểu, các loại dịch phục vụ cho công tác chẩn đoán bệnh. Với kiến thức nền tảng này, sinh viên có thể tiếp cận những kỹ thuật và kiến thức chuyên sâu ở các môn chuyên ngành

### **Chăn nuôi đại cương (Principles of Animal Production) – 203703**

Môn học giới thiệu tổng quát về ngành chăn nuôi, phản ánh một phần những gì mà khoa học vật nuôi đã và đang thực hiện. Nội dung chính của môn học đề cập đến một số vấn đề cơ bản nhất của ngành chăn nuôi, và những tác động kinh tế & xã hội ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi. Chương trình học đề cập đến những vấn đề chung như: vị trí, tình hình và xu hướng phát triển ngành chăn nuôi ở Việt Nam và thế giới, những tác động qua lại giữa ngành chăn nuôi và xã hội con người, một số ứng dụng công nghệ vào chăn nuôi.

## **25. BẢO QUẢN CHẾ BIẾN SÚC SẢN (MEAT AND MILK SCIENCE) -203304**

Trang bị kiến thức cơ bản về cấu tạo và hoạt động của mô cơ từ đó giải thích được những biến đổi của thịt sau khi giết mổ, hình thức giảm phẩm chất thịt và sự hư hỏng. Bên cạnh đó môn học cũng cung cấp những kiến thức về sinh học tiết sữa, thành phần của sữa. Từ đó tóm tắt các phương pháp bảo quản và chế biến thịt, sữa được trình bày.

*\* Mục tiêu (Learning Objectives): (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)*

Trang bị các kiến thức về sinh học của thịt và sữa đặc biệt là về sinh lý và sinh hóa. Từ đó hiểu được cơ chế của sự thay đổi và các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm động vật. Kiến thức này còn hỗ trợ cho việc tìm hiểu các quy trình chế biến các sản phẩm động vật ở quy mô công nghiệp

## **26. KHOA HỌC THÚ THÍ NGHIỆM ( LABORATORY ANIMAL SCIENCE) – 203720**

Học phần giúp sinh viên hiểu được mục đích của việc nuôi thú thí nghiệm, trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến công tác giống, dinh dưỡng, quản lý và chăm sóc từng loại thú thí nghiệm (chuột bạch, chuột lang, thỏ, chuột cống, chuột hamster,...) nhằm tạo một môi trường chăn nuôi mà ở đó thú không bị bệnh để việc sử dụng chúng trong thí nghiệm trong các mục đích nghiên cứu khác nhau một cách hiệu quả và chính xác nhất

*\* Mục tiêu:*

Học phần Khoa học thú thí nghiệm giúp các em sinh viên nắm vững kiến thức về cách chọn giống, cách quản lý chăm sóc nuôi dưỡng các động vật trước khi thí nghiệm và sau khi thí nghiệm, cách cầm cột, tiêm chích tiêm truyền,... là cơ sở cho các học phần cần phải sử dụng các động vật thí nghiệm dùng trong thí nghiệm như sinh hóa, sinh lý, bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh, độc chất học, dược học...; Kỹ năng thực hành, có khả năng xây dựng một khu chăn nuôi động vật thí nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu trong thí nghiệm; Ý thức được vai trò của động vật thí nghiệm trong phục vụ nghiên cứu; Biết yêu thương và tôn trọng phúc lợi động vật Chăn nuôi gia cầm đại cương (Principles of Poultry Production) – 203705

Giới thiệu những đặc điểm cơ bản của ngành chăn nuôi gia cầm trên thế giới và ở Việt Nam, vị trí ngành chăn nuôi gia cầm trong nông nghiệp. Tình hình và xu hướng phát triển của ngành chăn nuôi gia cầm trên thế giới và trong nước. Những đặc điểm sinh học các giống gà, vịt, công tác giống, dinh dưỡng, quy trình ấp trứng nhân tạo và các quy trình chăm sóc nuôi dưỡng gia cầm trong sản xuất thịt và trứng, biện pháp phòng và trị một số bệnh trên gia cầm.

## **27.CHĂN NUÔI THÚ NHAI LẠI ĐẠI CƯƠNG (PRINCIPLES OF RUMINANT PRODUCTION) – 203709**

Môn học cung cấp kiến thức về tất cả các khía cạnh của chăn nuôi thú nhai lại, đặc biệt là chăn nuôi bò sữa: di truyền, dinh dưỡng, sinh sản, sức khỏe, kinh tế trang trại, và tính bền vững của hệ thống sản xuất sữa; chăn nuôi bò thịt và chăn nuôi trâu, dê, cừu được nghiên cứu dưới dạng tự tìm hiểu và báo cáo chuyên đề trong 2 tuần cuối của khóa học.

*\* Mục tiêu: (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)*

Sau khi hoàn thành môn này, sinh viên:

- Kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ:

+Biết được tình hình chăn nuôi thú nhai lại hiện nay ở thế giới và VN; những kiến thức cơ bản về tập đoàn cây thức ăn và cách chế biến các loại thức ăn trong chăn nuôi thú nhai lại.

+Hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của các sản phẩm từ chăn nuôi thú nhai lại đối với đời sống con người và nền kinh tế xã hội; các đặc điểm sinh lý bộ máy tiêu hóa, sinh lý sinh sản của thú nhai lại; những kỹ thuật chăm sóc và nuôi dưỡng một số loại thú nhai lại phổ biến.

+Giải thích được tình hình và xu hướng phát triển chăn nuôi trâu bò trên thế giới, trong nước và tại địa phương mình.

- Kỹ năng: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:

+Vận dụng được những kỹ năng nhận biết và chọn giống; những quy trình kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng từ lý thuyết và thực tế; những kỹ năng đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh; những kỹ năng trồng, chăm sóc và chế biến thức ăn cho thú nhai lại.

+Thực hiện được một số kỹ năng về thao tác kỹ thuật thường áp dụng trong quá trình chăn nuôi thú nhai lại; kỹ thuật mô thú và xử lý mẫu sữa.

+Thành thạo các kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng thú nhai lại.

+Phân tích được những nguyên nhân gây ra những bệnh thường gặp trên thú nhai lại liên quan đến dinh dưỡng và kỹ thuật chăm sóc nuôi dưỡng

- Thái độ: Sau khi học xong học phần này, giúp sinh viên có:

+Tinh thần, ý thức, thái độ học tập đúng đắn, tích cực, nghiêm túc và có trách nhiệm với môn học.

+Sự đam mê nghiên cứu chuyên sâu về lĩnh vực thú nhai lại nói riêng và chăn nuôi thú y nói chung.

## **28. CHĂN NUÔI HEO ĐẠI CƯƠNG (GENERAL SWINE PRODUCTION) – 203707**

Giới thiệu sơ lược về tình hình chăn nuôi heo trên thế giới và ở Việt Nam, mô tả sơ lược về đặc điểm, ngoại hình và năng suất các giống heo hiện đang nuôi tại Việt Nam và một số giống heo trên thế giới; trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản liên quan đến công tác giống, cách nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý từng loại heo nhằm nâng cao năng suất; Những thuận lợi và khó khăn trong ngành chăn nuôi heo.

## **29. VI SINH VẬT ĐẠI CƯƠNG ( INTRODUCTION TO MICROBIOLOGY) – 203516**

Vi sinh vật Đại cương (VSVĐC) là môn học giới thiệu về thế giới vi sinh vật trong tự nhiên và vai trò của chúng đối với trái đất và con người. Nội dung môn học bao gồm những kiến thức mô tả về hình dạng và cấu trúc, các đặc điểm biến dưỡng, và các đặc điểm di truyền của vi sinh vật. Các tính chất này được sử dụng làm cơ sở cho sự phân loại và định danh, cũng như cho quá trình phân lập và chẩn đoán vi sinh vật. Vai trò của chúng trong quá trình sinh bệnh cho người và động thực vật, cũng như các lợi ích của vi sinh vật đối với môi trường và các sinh vật khác cũng được giải thích.

\* **Mục tiêu** (*Learning Objectives, LO*)

Môn học nhằm trang bị cho người học:

1. hiểu biết về vai trò của vi sinh vật đối với trái đất, môi trường, và cuộc sống của người và các sinh vật khác;

2. kiến thức vững chắc về các đặc điểm và tính vi sinh vật: về hình dạng và cấu trúc của vi sinh vật, đặc điểm và tính chất về sinh trưởng, biến dưỡng và di truyền của vi sinh vật;

3. biết cách vận dụng các kiến thức này trong giải thích các cơ chế sinh bệnh của vi sinh vật bệnh; nuôi cấy, phân lập, chẩn đoán vi sinh vật;
4. các từ chuyên ngành tiếng Anh, hiểu tên vi sinh vật (cấu trúc theo tiếng La tinh);
5. kỹ năng thực hành cơ bản trong nghiên cứu VSV
6. kỹ năng cơ bản trong an toàn sinh học như xử lý các chất thải thải sinh học hay các sự cố thông thường trong phòng thí nghiệm vi sinh vật học
7. kỹ năng phát triển khả năng suy luận, tư duy, liên kết và vận dụng các kiến thức để trả lời/giải thích các hiện tượng (liên quan vi sinh vật);
8. tự tin, tham gia thảo luận trong tập thể; kỹ năng làm việc nhóm
9. nhận thức về sự phát triển của khoa học kỹ thuật, không ngừng học hỏi và tự phát triển;
10. Khả năng thích ứng với môi trường làm việc trong phòng thí nghiệm.

### **30. MÔI TRƯỜNG VÀ SỨC KHỎE VẬT NUÔI (ENVIRONMENT AND ANIMAL PRODUCTION) – 203313**

Môi trường và Sức khỏe Vật nuôi (MTSKVN) cung cấp kiến thức về tác động của các yếu tố môi trường đến sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi. Bên cạnh đó, môn học cũng đề cập đến tác động của chăn nuôi thú y đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

**\* Mục tiêu (Learning Objectives, LO):**

Môn học nhằm trang bị cho người học các kiến thức và các kỹ năng sau đây:

1. Hiểu tác động của các yếu tố môi trường khí hậu, không khí, nước đến sức khỏe và sức sản xuất của vật nuôi;
2. Hiểu tác động của hoạt động chăn nuôi thú y đến môi trường và sức khỏe cộng đồng;
3. Biết vận dụng các kiến thức môn học để giảm thiểu tác động của các yếu tố bất lợi của môi trường đến sức khỏe vật nuôi, nâng cao năng suất sản xuất, phòng bệnh cho vật nuôi;\
4. Biết vận dụng các kiến thức môn học để giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường của hoạt động chăn nuôi; hạn chế sự phát tán mầm bệnh ra môi trường; hạn chế tác động bất lợi đến sức khỏe người chăn nuôi và cộng đồng.
5. Nguyên lý an toàn sinh học;
6. Kỹ năng đối phó với sự biến đổi khí hậu, duy trì hay cải thiện sức khỏe và năng suất vật nuôi

7. Kỹ năng áp dụng các biện pháp vệ sinh, an toàn sinh học trong các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ chế biến các sản phẩm động vật.

8. Kỹ năng phát triển khả năng tư duy, phân tích, suy luận, cũng như liên kết và vận dụng các kiến thức để trả lời/giải thích và giải quyết các vấn đề thực tiễn nghề nghiệp.

9. Kỹ năng giao tiếp, thảo luận, trình bày quan điểm, phân tích và đánh giá ý kiến của người khác.

10. Nhận thức về lợi ích của việc học tập, từ đó có thái độ học tập đúng đắn; ý thức tự học hỏi nâng cao trình độ.

### **31. DỊCH TỄ HỌC THÚ Y (VETERINARY EPIDEMIOLOGY)**

Môn học phát triển kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu về sinh thái bệnh trên động vật ví dụ như bản chất của mầm bệnh, sự lây truyền của bệnh trong quần thể. Bên cạnh đó, môn học còn giúp sinh viên có khả năng đánh giá sự xuất hiện bệnh trong quần thể và tìm hiểu các yếu tố nguy cơ của bệnh, từ đó đưa ra các giải pháp trong việc phòng chống dịch bệnh.

*\* Mục tiêu: (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về .)*

Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể hiểu được bản chất chung của sự truyền lây bệnh trong quần thể. Biết được cách đánh giá sự hiện diện của bệnh, các yếu tố liên quan đến bệnh từ đó đề xuất các biện pháp trong phòng chống dịch bệnh trong quần thể.

### **32. KÝ SINH TRÙNG 1 (VETERINARY PARASITOLOGY 1) – 203505**

Môn học Cung cấp những vấn đề cơ bản về hiện tượng ký sinh, các thuật ngữ, các nguyên lý chung, cách gọi tên, phân loại, các quy luật phát triển của ký sinh, con đường xâm nhập, lây lan và phát sinh bệnh, tác hại của ký sinh, thuốc trị ký sinh và các nguyên tắc chung trong phòng trừ ký sinh trùng ở gia súc và người. Phần Chuyên biệt: Nói về các bệnh ký sinh cụ thể, phổ biến trên vật nuôi ở Việt Nam: heo, trâu bò dê cừu, gia cầm. Trong từng bệnh, sinh viên sẽ được học về cách nhận dạng ký sinh, vòng đời, triệu chứng, tác hại, phương pháp chẩn đoán, cách phòng ngừa và thuốc điều trị.

### **33. KÝ SINH TRÙNG 2 (VETERINARY PARASITOLOGY 2) – 203524**



Môn học giúp sinh viên hiểu được tính phổ biến của ký sinh trùng và tác hại của các loài ký sinh ở thú kiểng (họ chó và mèo) ở Việt Nam. Sinh viên hiểu biết vòng đời của ký sinh vật, cách thức truyền lây, tác hại, các qui luật nhiễm, phương pháp chẩn đoán, điều trị, biện pháp phòng trừ bệnh ký sinh và ngăn ngừa sự lây nhiễm sang người. Sinh viên có khả năng nhận dạng một số loài ký sinh phổ biến và thực hiện một số xét nghiệm chẩn đoán bệnh

### **34. VỆ SINH THỊT VÀ KIỂM NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT (MEAT HYGIENE AND EXAMINATION OF ANIMAL PRODUCTS) – 203303**

Trang bị kiến thức liên quan đến các biến đổi của thịt sau khi giết mổ, hình thức giảm phẩm chất thịt (trứng, sữa) và sự hư hỏng. Trình bày các điều kiện tiên quyết trong quản lý chất lượng theo HACCP (cơ sở hạ tầng, quy trình GMP/GAP trong sản xuất, vận hành thiết bị, vệ sinh (SSOP)). Cung cấp kiến thức về khám thú sống, giết mổ, khám thịt và phủ tạng tại CSGM, về các chất tồn dư, phương pháp xét nghiệm vệ sinh sản phẩm chăn nuôi/chế biến và ra quyết định xử lý theo luật định. Trình bày nguyên nhân, triệu chứng bệnh và biện pháp phòng ngừa ngộ độc thực phẩm cho người tiêu dùng. Phân tích và nhận diện các mối nguy trong các công đoạn sản xuất và đề ra biện pháp phòng ngừa thích hợp, xác định điểm kiểm soát tới hạn (CCP), thiết lập các giới hạn và đề ra hành động sửa sai, thiết lập chương trình giám sát và thủ tục lưu trữ hồ sơ.

**Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có khả năng:**

**- Về Kiến thức:**

(1) Nhận diện và đánh giá những bất thường ở thú trước giết mổ, của thịt tươi, phủ tạng và sản phẩm thịt (sữa) chế biến.

(2) Thiết kế quy trình GMP/GAP trong giết mổ/chế biến sản phẩm thịt, sử dụng trang thiết bị, vệ sinh nhà xưởng/công nhân và các trang thiết bị liên quan trong sản xuất (SSOP)

**- về Kỹ năng:**

(3) Thực hiện tốt các kỹ năng nhận diện, phân tích, đánh giá chất lượng thực phẩm nguồn gốc động vật (thú trước giết mổ, thịt và phủ tạng, sản phẩm thịt (sữa) chế biến trên thực địa/phòng thí nghiệm, và phân tích theo chuỗi sản xuất thực phẩm).

(4) Kỹ năng phát hiện vấn đề, tự tìm tòi học hỏi và phối hợp làm việc nhóm để giải quyết vấn đề theo pháp luật Việt Nam hoặc các quy định của quốc tế.

**- Về Thái độ:**

(5) Thể hiện ý thức ham học tập nghiên cứu; tuân thủ Luật Thú y, Bảo vệ môi trường và Sức khoẻ cộng đồng; ý thức trách nhiệm với tổ chức, xã hội và người dân.

### **35. BỆNH TRUYỀN NHIỄM HEO (SWINE INFECTIOUS DISEASES) – 203519**

Môn học bệnh truyền nhiễm heo cung cấp kiến thức về các bệnh truyền nhiễm quan trọng trên heo gây ra do các nguyên nhân truyền nhiễm như vi-rút, vi khuẩn và kí sinh trùng. Môn học tập trung vào các vấn đề chính yếu của bệnh truyền nhiễm như: tầm quan trọng, nguyên nhân, dịch tễ, cơ chế gây bệnh, dấu hiệu lâm sàng, bệnh lý (đại thể và vi thể), chẩn đoán, điều trị, phòng ngừa và kiểm soát.

**\* Mục tiêu:**

Sau khi hoàn thành môn học này, sinh viên nắm được các vấn đề sau:

- **Kiến thức:** có thể nắm bắt được các vấn đề chính yếu của môn học. Từ cơ sở lý thuyết chính yếu của các bệnh truyền nhiễm quan trọng trên heo, sinh viên có thể áp dụng vào trong thực tế để hành nghề: chẩn đoán bệnh và giải quyết dịch bệnh cũng như đưa ra các giải pháp phòng bệnh trong chăn nuôi heo.
- **Kỹ năng:** có thể thực hiện về chẩn đoán phân biệt các bệnh truyền nhiễm trên heo; sử dụng các kiến thức này để xây dựng chương trình phòng bệnh cho các hộ chăn nuôi hay trại chăn nuôi; ngoài ra có thể thực hiện điều trị các bệnh quan trọng bệnh trên heo.
- **Thái độ:** tích cực học tập với vai trò là một bác sỹ thú y tương lai có trách nhiệm với nghề, chuyên cần và chăm chỉ; sáng tạo trong học tập.

### **36. DINH DƯỠNG ĐỘNG VẬT (ANIMAL NUTRITION) - 203603**

Học phần này trang bị cho người học (chủ yếu là sinh viên từ ngành Chăn Nuôi và ngành Thú Y) những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng trên động vật, cụ thể là vai trò của các chất dinh dưỡng như chất đạm, chất béo, chất bột đường, các vitamin và chất khoáng trong thức ăn đối với đời sống động vật, sự tương tác giữa các chất dinh dưỡng cũng như các khái niệm về tiêu hóa, trao đổi chất và nhu cầu của vật nuôi về chất dinh dưỡng.

**\* Mục tiêu:** (Học phần nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về ... và kỹ năng về ....)

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò của nước, protein và acid amin, chất béo, chất xơ, các chất khoáng, và các vitamin đối với đời sống vật nuôi. Sự tương tác giữa

các chất dinh dưỡng. Các khái niệm về tiêu hóa, trao đổi chất, và nhu cầu của vật nuôi về dinh dưỡng. Ngoài ra còn học phần còn trang bị cho sinh viên về một số hiểu biết và vận dụng kiến thức về dinh dưỡng trong chăn nuôi; kỹ năng làm việc nhóm, viết chuyên đề, thuyết trình....

Sinh viên có thể ứng dụng các kiến thức về dinh dưỡng vào thực tiễn và làm tiền đề cho việc học tiếp các môn học có liên quan như trong lĩnh vực chọn giống, kỹ thuật chăn nuôi, và cả việc chẩn đoán, điều trị các rối loạn do dinh dưỡng.

### **37. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (GRADUATION THESIS) – 203907**

Học phần thực hiện khóa luận, trang bị cho sinh viên ngành Thú Y kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học, ứng dụng trong thực tiễn Thú Y, phân tích và đánh giá kết quả đạt được, từ đó đưa ra kết luận và đề nghị phù hợp phục vụ cho sản xuất hoặc tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo.

Sau thời gian thực hiện khóa luận, sinh viên được trang bị kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tạo một văn bản khoa học, tổng hợp và trình bày một vấn đề, vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn sản xuất.

### **38. TIỂU LUẬN TỐT NGHIỆP (GRADUATION ESSAY) – 203903**

Học phần thực hiện tiểu luận, trang bị cho sinh viên ngành Thú Y kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học, ứng dụng trong thực tiễn Thú Y, phân tích và đánh giá kết quả đạt được, từ đó đưa ra kết luận và đề nghị phù hợp phục vụ cho sản xuất hoặc tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo.

Sau thời gian thực hiện tiểu luận, sinh viên được trang bị kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tạo một văn bản khoa học, tổng hợp và trình bày một vấn đề, vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn sản xuất.

